TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 209 / CTSV
V/v nộp ảnh vinh danh sinh viên

Cần Thơ, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong toàn Trường

Thực hiện Kế hoạch công tác của Trường;

Trên cơ sở Quyết định số 3925/QĐ-ĐHCT, ngày 18/08/2023 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng sinh viên năm học 2022 – 2023;

Phòng Công tác Sinh viên thông báo đến Quý Thủ trưởng các đơn vị giúp hỗ trợ thông tin đến các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo Quyết định số 3925 thực hiện nộp ảnh vinh danh như sau:

1. Yêu cầu:

Mỗi sinh viên nộp một file ảnh chân dung để được vinh danh trên bảng vàng danh dự của Trường.

2. Hình thức, quy cách ảnh, thời gian nộp file ảnh:

2.1. Hình thức, quy cách ảnh:

Mỗi sinh viên nộp một file ảnh chân dung - giống như ảnh chụp làm CMND/CCCD hoặc Giấy phép lái xe ***(File ảnh phải có dung lượng từ 1Mb trở lên)*** - hình chụp chất lượng và trang phục theo quy định, khuyến khích Nữ mặc áo dài và Nam mặc Veston, thắt Cà vạt) và kèm đầy đủ các thông tin sau:

- Họ và tên, MSSV, STT theo Quyết định (soạn trên WORD)

- Ghi rõ tên lớp, khóa (Thí dụ như: Lớp Giáo dục Tiểu học, K47)

- Điểm trung bình năm học 2022-2023 (cả năm - Thí dụ: 3,79)

- Số điện thoại liên lạc

2.2. Thời gian nộp file ảnh:

Sinh viên nộp file ảnh chân dung kèm các thông tin như trên đến thầy Nguyễn Hoàng Nghĩa (P.CTCT) theo địa chỉ E-mail: **nhnghia@ctu.edu.vn** kể từ ngày ra thông báo ***đến hết 28/08/2023 (Thứ Hai).***

Do tính chất thời gian gấp rút và nhằm đảm bảo quyền lợi của sinh viên, đề nghị Quý Thủ trưởng các đơn vị quan tâm triển khai cho sinh viên được biết và thực hiện theo tinh thần Công văn này. Trong quá trình triển khai, nếu còn vấn đề vướng mắc, vui lòng liên hệ với Phòng Công tác Chính trị để trao đổi giải quyết.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Tường

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng CTCT (để phối hợp);
- Lưu: CTSV.

DANH SÁCH SINH VIÊN KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 3925 /QĐ-ĐHCT, ngày 18 / 08/2023 của Hiệu trưởng)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
1	B1904235	Nguyễn Thị Như Hảo	01/01/2000	DA1966A1	DA	50	3.82	84.5	Giỏi	Công nghệ sinh học	
2	B1904490	Võ Văn Huy	14/06/2001	DA1966A2	DA	30	3.72	84.0	Giỏi	Công nghệ sinh học	
3	B1904341	Lại Phú Quí	27/09/2001	DA1966A3	DA	30	3.73	80.0	Giỏi	Công nghệ sinh học	
4	B1904588	Nguyễn Bá Quỳnh	14/09/2001	DA1966A4	DA	43	3.64	83.0	Giỏi	Công nghệ sinh học	
5	B1904384	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	08/08/2001	DA1966A5	DA	33	3.33	87.5	Giỏi	Công nghệ sinh học	
6	B1904684	Lâm Ngọc Ngân	23/04/2001	DA1966T1	DA	30	3.97	99.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
7	B2010511	Nguyễn Hoài Dương	26/12/2002	DA2066A1	DA	36	3.85	94.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
8	B2010792	Nguyễn Anh Thư	01/01/2002	DA2066A2	DA	35	3.84	97.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
9	B2010543	Dương Thanh Nhựt Lâm	05/02/2002	DA2066A3	DA	34	3.67	94.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
10	B2010784	Nguyễn Thái Phúc Thịnh	19/10/2002	DA2066A4	DA	41	3.78	100.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
11	B2002640	Nguyễn Thị Kim Chi	01/04/2002	DA2066A5	DA	35	3.75	95.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
12	B2010843	Trần Huỳnh Cát Tường	29/10/2002	DA2066T1	DA	36	3.94	98.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
13	B2109159	Nguyễn Thanh Thảo	07/05/2003	DA2166A1	DA	33	3.81	100.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
14	B2109213	Nguyễn Trường Thọ	25/01/2003	DA2166A2	DA	33	3.86	100.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
15	B2102394	Tô Thị Huyền Trân	16/03/2003	DA2166T1	DA	31	3.72	97.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
16	B2102398	Lê Huỳnh Trúc Vi	09/10/2003	DA2166T2	DA	33	3.89	97.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
17	B2202254	Võ Văn Thuận	05/07/2004	DA2266A1	DA	32	3.77	92.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
18	B2202271	Nguyễn Thị Hồng Chúc	12/03/2004	DA2266A2	DA	32	3.83	93.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
19	B2202326	Phan Thanh Quỳnh Hương	18/07/2004	DA2266T1	DA	34	3.94	92.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
20	B2202354	Phạm Thị Diễm Quỳnh	20/01/2004	DA2266T2	DA	34	3.74	92.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
21	B1900405	Quách Thị Vân Anh	17/12/2001	NN1908A1	DA	31	3.89	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
22	B1900714	Nguyễn Thị Tuyết Hạ	12/08/2001	NN1908A2	DA	31	3.63	91.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
23	B1900486	Lê Yến Linh	26/03/2001	NN1908A3	DA	31	3.90	91.5	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
24	B1900570	Khuất Thị Lệ Quyên	05/03/2001	NN1908A4	DA	36	3.90	90.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
25	B1900622	Hứa Thị Thiên Trang	24/01/2001	NN1908A5	DA	32	3.67	90.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
26	B1900729	Trần Thị Cẩm Hồng	19/03/2001	NN1908A6	DA	30	3.87	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
27	B1900849	Phan Tấn Tài	01/12/2001	NN1908A7	DA	31	3.85	89.5	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
28	B1900881	Nguyễn Thị Hoài Thương	17/10/2001	NN1908A8	DA	34	3.90	99.5	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
29	B1900445	Mai Thanh Hải	04/01/2001	NN1908F1	DA	42	3.72	90.5	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
30	B1908766	Phương Thảo Mi	02/01/2001	NN19U5A1	DA	31	3.90	80.5	Giỏi	Công nghệ sau thu hoạch	
31	B2000751	Lý Khánh Hân	24/12/2002	NN2008A1	DA	35	3.87	93.5	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
32	B2000816	Phan Thị Mỹ Lệ	27/06/2002	NN2008A2	DA	38	3.72	86.5	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	
33	B2000902	Võ Thụy Nguyệt Trân	27/02/2002	NN2008A3	DA	32	3.84	91.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
34	B2007666	Nguyễn Phương Anh	17/08/2002	NN2008A4	DA	35	3.74	84.5	Giỏi	Công nghệ thực phẩm	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
35	B2007789	Nguyễn Thị Giao	23/04/2002	NN2008A5	DA	37	3.78	94.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
36	B2007921	Huỳnh Thị Thanh Ngân	02/08/2002	NN2008A6	DA	37	3.76	100.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
37	B2007993	Huỳnh Mai Như Ý	24/08/2002	NN2008F1	DA	37	3.60	84.0	Giỏi	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
38	B2013789	Đặng Ngọc The	05/12/2002	NN20U5A1	DA	38	3.77	96.0	Xuất sắc	Công nghệ sau thu hoạch	
39	B2107377	Đặng Thị Mỹ Huyền	22/09/2003	NN2108A1	DA	34	3.75	91.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
40	B2107418	Hồng Diệp Vân Nhi	16/03/2003	NN2108A2	DA	35	3.69	96.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
41	B2107458	Lưu Ngọc Thắm	01/03/2003	NN2108A3	DA	32	3.78	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
42	B2107513	Hoàng Thị Tuyết Sương	11/06/2003	NN2108F1	DA	37	3.67	93.5	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
43	B2107433	Dương Nhã Vy	13/01/2003	NN2108F2	DA	34	3.64	96.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
44	B2111147	Lê Ngọc Hạnh	23/05/2003	NN21U5A1	DA	35	3.67	90.5	Xuất sắc	Công nghệ sau thu hoạch	
45	B2200127	Nguyễn Bá Tùng	07/05/2004	NN2208A1	DA	31	3.79	94.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
46	B2200213	Đào Phương Trúc	28/02/2004	NN2208A2	DA	28	3.86	95.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
47	B2200228	Nguyễn Ngô Phương Anh	31/07/2004	NN2208F1	DA	33	3.69	94.5	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
48	B2200241	Nguyễn Võ Đức Huy	26/09/2004	NN2208F2	DA	33	3.52	88.0	Giỏi	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
49	B2205199	Nguyễn Huỳnh Như	18/10/2004	NN22U5A1	DA	27	3.41	83.5	Giỏi	Công nghệ sau thu hoạch	
50	B1906307	Từ Ngọc Diệp	06/04/2001	DI1995A1	DI	30	3.70	97.5	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
51	B1906368	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	16/09/2001	DI1995A2	DI	30	3.65	93.5	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
52	B1906414	Đặng Văn Trọng	18/07/2001	DI1995A2	DI	30	3.65	93.5	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
53	B1906430	Nguyễn Chí Bảo	18/04/2001	DI1996A1	DI	31	3.85	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
54	B1906636	Dương Nhật Duy	09/07/2000	DI1996A2	DI	30	4.00	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
55	B1906658	Từ Hữu Đức	14/10/2001	DI1996A2	DI	30	4.00	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
56	B1906570	Huỳnh Thanh Thảo	17/08/2001	DI1996A3	DI	31	3.80	85.5	Giỏi	Kỹ thuật phần mềm	
57	B1906749	Nguyễn Thanh Quang	17/01/2001	DI1996A4	DI	31	3.66	93.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
58	B1906794	Dương Nhật Trường	09/07/2000	DI1996A5	DI	30	4.00	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
59	B1908325	Đỗ Văn Dương	27/01/2001	DI19T9A1	DI	32	3.86	93.5	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
60	B1908412	Nguyễn Hoàng Tân	30/10/2001	DI19T9A2	DI	30	3.90	94.5	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
61	B1909928	Ông Tú Khanh	16/07/2001	DI19V7A1	DI	30	3.45	92.5	Giỏi	Công nghệ thông tin	
62	B1910090	Lâm Cẩm Ký	22/06/2001	DI19V7A2	DI	31	3.55	85.5	Giỏi	Công nghệ thông tin	
63	B1910192	Hà Ngọc Châu	18/01/2001	DI19V7A3	DI	31	3.85	95.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
64	B1910380	Phạm Minh Hoàng	10/06/2001	DI19V7A4	DI	30	4.00	82.5	Giỏi	Công nghệ thông tin	
65	B1910008	Nguyễn Thị Bảo Trân	29/11/2001	DI19V7A5	DI	30	3.85	87.0	Giỏi	Công nghệ thông tin	
66	B1910144	Hồ Thị Thắng	01/01/1999	DI19V7A6	DI	30	3.70	89.0	Giỏi	Công nghệ thông tin	
67	B1910327	Đặng Thị Thanh Tuyền	15/12/2001	DI19V7A7	DI	33	3.82	91.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
68	B1910467	Nguyễn Quốc Trạng	12/04/2001	DI19V7A8	DI	33	3.95	95.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
69	B1910688	Phan Bá Đại Phúc	05/05/2001	DI19V7F1	DI	39	3.92	96.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
70	B1910654	Nguyễn Duy Khang	04/10/2001	DI19V7F2	DI	40	3.71	95.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
71	B1910676	Dương Huỳnh Nhân	26/04/2001	DI19V7F3	DI	36	3.83	93.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
72	B1910093	Phạm Thị Mỹ Linh	14/08/2001	DI19Y1A1	DI	30	3.90	95.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	Tin học Ứng dụng
73	B1913236	Trần Quốc Khang	21/10/2001	DI19Z6A1	DI	36	3.79	93.5	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
74	B1913288	Huỳnh Thái Bảo	22/10/2001	DI19Z6A2	DI	33	3.92	82.5	Giỏi	Khoa học máy tính	
75	B2011957	Huỳnh Thị Mỹ Ái	18/06/2001	DI2095A1	DI	35	3.84	93.5	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
76	B2012047	Trần Thu Trang	07/04/2002	DI2095A2	DI	36	3.76	89.0	Giỏi	Hệ thống thông tin	
77	B2003857	Thái Kim Tài	12/05/2002	DI2096A1	DI	32	3.81	96.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
78	B2003917	Lý Tấn Tài	24/04/2002	DI2096A2	DI	33	3.86	91.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
79	B2012151	Nguyễn Thị Mỹ Thu	13/02/2002	DI2096A3	DI	35	3.91	92.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
80	B2012255	Nguyễn Ngọc Lam Thanh	20/06/2002	DI2096A4	DI	37	3.83	93.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
81	B2013485	Bạch Toàn Mỹ	21/08/2002	DI20T9A1	DI	31	3.76	93.0	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
82	B2013527	Dương Hồng Đoan	09/06/2002	DI20T9A2	DI	30	3.66	90.5	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
83	B2005670	Trần Thái Đăng	16/06/2002	DI20V7A1	DI	37	3.88	99.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
84	B2005706	Phạm Quốc Cường	17/02/2002	DI20V7A2	DI	37	3.88	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
85	B2005767	Hồ Trần Thiện Nhân	19/01/2002	DI20V7A3	DI	36	3.83	94.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
86	B2015012	Trương Khả Thi	06/06/2002	DI20V7F1	DI	34	3.64	91.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
87	B2005889	Hồ Minh Nhựt	05/06/2002	DI20V7F2	DI	35	3.83	100.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
88	B2015014	Đỗ Lý Anh Thư	28/03/2002	DI20V7F3	DI	34	3.75	95.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
89	B2005900	Lê Phương Trung	24/05/2002	DI20V7F4	DI	34	3.78	95.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
90	B2005765	Lê Thị Hoàng Ngân	06/06/2002	DI20Y1A1	DI	35	3.94	96.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	Tin học Ứng dụng
91	B2016955	Lê Nguyễn Bảo Đăng	29/11/2002	DI20Z6A1	DI	38	3.84	97.5	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
92	B2017024	Chau Bôl	00/00/2001	DI20Z6A2	DI	37	3.67	88.0	Giỏi	Khoa học máy tính	
93	B2017002	Trần Phúc Tấn	29/06/2002	DI20Z6A3	DI	30	3.90	89.0	Giỏi	Khoa học máy tính	
94	B2110031	Trần Anh Thư	12/03/2003	DI2195A1	DI	31	3.62	96.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
95	B2110053	Dương Thị Huỳnh Như	10/07/2003	DI2195A2	DI	34	3.80	92.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
96	B2103507	Ngô Phước Lợi	25/11/2003	DI2196A1	DI	42	4.00	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
97	B2110133	Bùi Duy Nguyễn	30/12/2003	DI2196A2	DI	47	3.88	90.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
98	B2104787	Phạm Việt Thành	19/07/2003	DI21T9A1	DI	34	3.70	98.5	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
99	B2110975	Mai Diễm Phương	23/12/2003	DI21T9A2	DI	34	3.89	94.5	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
100	B2105546	Nguyễn Trọng Hữu	29/12/2003	DI21V7A1	DI	37	4.00	94.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
101	B2105588	Quách Vĩnh Phát	15/12/2003	DI21V7A2	DI	33	3.95	100.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
102	B2105679	Phan Thị Hồng Nguyên	13/12/2003	DI21V7F1	DI	38	3.62	86.5	Giỏi	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
103	B2105686	Kim Duy Thành	12/02/2003	DI21V7F2	DI	39	3.88	92.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
104	B2111933	Trương Đặng Trúc Lâm	30/01/2003	DI21V7F3	DI	39	3.88	100.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
105	B2105721	Nguyễn Thái Thuận	24/07/2003	DI21V7F4	DI	38	3.58	93.0	Giỏi	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
106	B2111852	Bùi Khả Minh	08/10/2003	DI21Y1A1	DI	35	3.96	94.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	Tin học Ứng dụng

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
107	B2113321	Lê Thị Yến Thy	26/08/2003	DI21Z6A1	DI	31	3.67	100.0	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
108	B2113333	Trần Nguyễn Nhật Huy	16/10/2003	DI21Z6A2	DI	36	3.90	92.0	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
109	B2203480	Nguyễn Dương Trọng Tín	25/05/2004	DI2295A1	DI	33	3.70	91.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
110	B2203519	Đỗ Minh Nhựt	14/01/2004	DI2296A1	DI	30	3.88	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
111	B2203550	Nguyễn Phát Đạt	25/10/2004	DI2296F1	DI	35	3.54	84.5	Giỏi	Kỹ thuật phần mềm (chất lượng cao)	Kỹ thuật phần mềm
112	B2203592	Phạm Lưu Khánh Vân	16/10/2004	DI2296F2	DI	34	3.90	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm (chất lượng cao)	Kỹ thuật phần mềm
113	B2203601	Nguyễn Hải Dương	30/08/2004	DI22D1A1	DI	30	3.97	97.0	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
114	B2203696	Dương Tú Trân	09/01/2004	DI22D1A2	DI	30	3.78	93.5	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
115	B2203719	Trương Đăng Huy	19/01/2004	DI22D2A1	DI	29	3.81	88.5	Giỏi	An toàn thông tin	
116	B2204932	Đoàn Quốc Huy	10/06/2004	DI22T9A1	DI	35	3.90	93.5	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
117	B2205869	Trần Công Huân	23/07/2004	DI22V7A1	DI	33	3.91	92.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
118	B2205972	Trần Tố Anh	26/04/2004	DI22V7F1	DI	33	3.88	85.5	Giỏi	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
119	B2206024	Huỳnh Thị Thúy Vy	11/10/2003	DI22V7F2	DI	33	3.89	93.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
120	B2207566	Ngô Thị Thu Thảo	20/01/2004	DI22Z6A1	DI	31	3.89	93.5	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
121	B1908973	Phạm Thiên Kim	15/07/2001	FL19V1A1	FL	31	3.60	89.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
122	B1909074	Lương Ánh Tuyết	03/12/2000	FL19V1A2	FL	33	3.74	80.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
123	B1909194	Bùi Hoài Thương	23/08/2001	FL19V1A3	FL	31	3.35	87.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
124	B1909454	Phan Thị Thủy Hoài	07/03/2001	FL19V1F1	FL	31	3.67	90.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
125	B1909366	Phạm Minh Phú	13/04/2001	FL19V1F2	FL	30	3.44	81.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
126	B1909462	Bùi Hồng Yến Ngân	10/08/2001	FL19V1F3	FL	30	3.65	83.5	Giỏi	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
127	B1909448	Nguyễn Ngọc Lan Chi	12/10/2001	FL19V1F4	FL	30	3.69	93.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
128	B1912459	Lê Vũ Thúy Vi	24/10/2001	FL19X1A1	FL	32	3.78	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
129	B1909133	Nguyễn Thị Bích Trâm	18/10/2001	FL19Z8A1	FL	34	3.60	92.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
130	B1909110	Đặng Thị Kim Ngọc	26/08/2000	FL19Z8A2	FL	35	3.81	94.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
131	B1913419	Trần Thị Thảo Vy	01/01/2001	FL19Z9A1	FL	35	3.59	89.0	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp	
132	B1913439	Trịnh Bình Khang	27/04/2001	FL19Z9A2	FL	34	3.47	87.5	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp	
133	B2005056	Trần Như Quỳnh	27/03/2002	FL20V1A1	FL	33	3.89	97.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
134	B2005082	Nguyễn Trầm Ngân Nhi	15/05/2002	FL20V1A2	FL	35	3.90	93.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
135	B2005111	Nguyễn Thế Nhất	01/07/2002	FL20V1A3	FL	33	3.94	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
136	B2014218	Trần Nhã Duy	19/06/2002	FL20V1F1	FL	38	3.84	90.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
137	B2005266	Dương Hồ Bảo Ngân	05/04/2002	FL20V1F2	FL	37	3.90	97.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
138	B2014235	Huỳnh Văn Khoa	24/03/2002	FL20V1F3	FL	36	3.80	94.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
139	B2005239	Trần Thị Mộng Cầm	12/08/2002	FL20V1F4	FL	38	3.66	93.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
140	B2005383	Nguyễn Đình Trí	16/06/2003	FL20V1F5	FL	35	3.83	81.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
141	B2000562	Lê Quốc Thông	24/08/2002	FL20X1A1	FL	31	3.84	95.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
142	B2000588	Nguyễn Thanh Phúc	07/01/2002	FL20X1A2	FL	31	3.82	99.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
143	B2016185	Lê Quỳnh Châu	29/10/2002	FL20X2A1	FL	33	3.91	95.5	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp	
144	B2005062	Nguyễn Đức Trung	25/11/2002	FL20Z8A1	FL	33	3.91	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
145	B2017106	Chung Gia Hân	15/02/2002	FL20Z9A1	FL	38	3.92	97.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
146	B2017189	Nguyễn Thanh Sang	13/05/2002	FL20Z9A2	FL	43	3.92	97.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
147	B2111385	Nguyễn Đình Phan	13/11/2003	FL21V1A1	FL	34	3.78	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
148	B2111417	Lê Hữu Huy	23/03/2003	FL21V1A2	FL	34	3.73	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
149	B2111580	Bùi Nguyễn Vĩnh Phát	07/03/2003	FL21V1F1	FL	31	3.64	80.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
150	B2111552	Dương Huỳnh Châu	02/09/2003	FL21V1F2	FL	31	3.66	86.5	Giỏi	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
151	B2105281	Hà Lê Tú Trân	27/09/2003	FL21V1F3	FL	31	3.84	92.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
152	B2111517	Nguyễn Kim Ngân	11/03/2003	FL21V1F4	FL	36	3.85	99.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
153	B2112703	Lâm Nguyễn Khánh Mai	06/01/2003	FL21X1A1	FL	41	3.83	97.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
154	B2100538	Đặng Nguyễn Minh Ngọc	30/01/2003	FL21X1A2	FL	39	3.93	90.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
155	B2100564	Nguyễn Ngọc Kết	11/10/2000	FL21X2A1	FL	32	3.80	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp	
156	B2105140	Lê Ngọc Hồng Anh	16/10/2003	FL21Z8A1	FL	33	3.89	96.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
157	B2106891	Lê Nguyễn My	22/11/2003	FL21Z9A1	FL	32	3.93	98.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
158	B2205434	Phạm Thị Kim Anh	28/09/2004	FL22V1A1	FL	30	3.90	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
159	B2205535	Đỗ Nguyễn Gia Huy	28/12/2004	FL22V1F1	FL	32	3.87	95.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
160	B2205566	Võ Lâm Bảo Châu	14/04/2004	FL22V1F2	FL	30	3.83	96.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
161	B2205598	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	22/03/2004	FL22V1F3	FL	32	3.82	92.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
162	B2206846	Nguyễn Quỳnh Như	25/09/2004	FL22X1A1	FL	32	3.80	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
163	B2206903	Nguyễn Hữu Trọng	21/12/2002	FL22X1A2	FL	34	3.79	97.5	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
164	B2206918	Nguyễn Thị Diễm My	19/05/2004	FL22X2A1	FL	29	3.72	86.5	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp	
165	B2205393	Nguyễn Hà Thi Ân	05/11/2004	FL22Z8A1	FL	28	3.81	96.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
166	B2207622	Phan Thanh Trĩu	11/04/2002	FL22Z9A1	FL	29	3.91	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
167	B1904135	Trần Tuấn Huy	08/11/2001	HG1963A2	HG	40	3.71	83.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
168	B1910565	Nguyễn Gia Phúc	01/01/2001	HG19V7A1	HG	30	3.60	90.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
169	B2001535	Huỳnh Thị Thúy An	16/09/2002	HG2022A1	HG	37	3.83	93.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
170	B2009183	Trần Quang Lĩnh	08/05/2002	HG2022A2	HG	31	3.67	90.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
171	B2009402	Nguyễn Thị Huỳnh Như	19/02/2002	HG2023A1	HG	45	3.20	96.5	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
172	B2002081	Nguyễn Tiểu Loan	30/04/2002	HG2063A1	HG	40	3.49	89.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
173	B2002139	Hồ Thị Huỳnh Như	27/03/2002	HG2063A2	HG	42	3.71	88.5	Giỏi	Luật	Luật hành chính
174	B2005032	Phạm Thanh Bình	13/10/2002	HG20U7A1	HG	38	3.64	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh nông nghiệp	
175	B2014093	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	07/03/2002	HG20V1A1	HG	42	3.40	89.5	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
176	B2014108	Nguyễn Hưng	04/10/2002	HG20V1A2	HG	42	3.55	92.5	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
177	B2014866	Võ Thị Yến Nhi	09/07/2002	HG20V7A1	HG	30	3.66	90.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
178	B2016029	Lê Thị Minh Thư	07/06/2002	HG20W8A1	HG	45	3.87	91.5	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
179	B2108356	Nguyễn Thị Ngọc Thịnh	25/06/2003	HG2122A1	HG	43	3.95	95.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
180	B2108428	Phạm Thị Ngọc Tín	02/07/2003	HG2123A1	HG	39	3.69	100.0	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
181	B2108772	Trần Khánh Phát	16/04/2003	HG2163A1	HG	33	3.59	84.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
182	B2105073	Nguyễn Mỹ Á	02/09/2003	HG21U7A1	HG	31	3.57	86.5	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
183	B2111474	Bùi Diễm Quỳnh	28/10/2003	HG21V1A1	HG	36	3.63	95.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
184	B2111908	Nguyễn Quốc Việt	09/04/2003	HG21V7A1	HG	37	3.71	95.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
185	B2106165	Nguyễn Minh Trí	10/02/2002	HG21W8A1	HG	32	3.90	100.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
186	B2201105	Âu Thị Nhu Mỳ	30/10/2004	HG2222A1	HG	30	3.60	84.5	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
187	B2201819	Dương Thị Phương Trúc	16/10/2004	HG2263A1	HG	31	3.53	82.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
188	B2205240	Lâm Thị Thùy Linh	08/12/2003	HG22U7A1	HG	32	3.27	89.0	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
189	B2205488	Võ Lê Thành Đạt	06/06/2004	HG22V1A1	HG	32	3.69	89.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
190	B2205957	Trịnh Minh Tân	09/07/2004	HG22V7A1	HG	32	3.61	90.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
191	B2206807	Nguyễn Ngọc Nhật Quyên	07/07/2004	HG22W8A1	HG	28	3.61	80.0	Giỏi	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
192	B1904988	Nguyễn Thị Trúc Linh	21/03/2001	KH1969A1	KH	38	3.49	83.0	Giỏi	Hóa học	
193	B1906098	Trần Thị Bích Vân	17/10/2001	KH1989A1	KH	31	3.47	80.0	Giỏi	Toán ứng dụng	
194	B1906296	Lê Thị Hồng Tơ	28/09/2001	KH1994A1	KH	30	3.42	85.0	Giỏi	Sinh học	
195	B1907267	Nguyễn Thùy Anh	17/05/2001	KH19T3A1	KH	33	3.36	80.0	Giỏi	Hóa dược	
196	B1907331	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	04/01/2001	KH19T3A2	KH	30	3.93	95.5	Xuất sắc	Hóa dược	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
197	B1908460	Trần Nguyễn Hoàng Phán	15/01/2001	KH19U1A1	KH	30	3.70	88.5	Giỏi	Vật lý kỹ thuật	
198	B2011085	Lê Ngọc Hiếu Thuận	27/01/2002	KH2069A1	KH	40	3.90	100.0	Xuất sắc	Hóa học	
199	B2003021	Nguyễn Hoàng Phong	16/08/2002	KH2069A2	KH	33	3.58	95.0	Giỏi	Hóa học	
200	B2011811	Nguyễn Trung Phát	19/09/2002	KH2089A1	KH	39	3.92	97.0	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
201	B2003712	Mai Thảo Vy	25/09/2002	KH2094A1	KH	40	3.22	92.5	Giỏi	Sinh học	
202	B2012608	Bùi Thanh Tạo	17/09/2002	KH20T3A1	KH	38	3.77	100.0	Xuất sắc	Hóa dược	
203	B2012647	Võ Thị Thảo Nhi	06/12/2002	KH20T3A2	KH	37	3.90	98.5	Xuất sắc	Hóa dược	
204	B2004828	Hà Thư Hoàng	16/07/2002	KH20U1A1	KH	39	3.51	95.0	Giỏi	Vật lý kỹ thuật	
205	B2109409	Lê Thành Hiệp	19/06/2003	KH2169A1	KH	41	3.32	90.0	Giỏi	Hóa học	
206	B2109432	Hồ Tường Anh	16/02/2003	KH2169A2	KH	39	3.25	83.5	Giỏi	Hóa học	
207	B2109843	Nguyễn Thị Cẩm Hường	01/03/2003	KH2189A1	KH	37	3.61	90.5	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
208	B2109984	Phạm Phú Nhật Thanh	11/04/2003	KH2194A1	KH	40	3.50	89.5	Giỏi	Sinh học	
209	B2104144	Đoàn Thị Mỹ Tuyên	16/04/2003	KH21T3A1	KH	37	3.79	100.0	Xuất sắc	Hóa dược	
210	B2110414	Võ Công Thành	28/07/2003	KH21T3A2	KH	38	3.82	100.0	Xuất sắc	Hóa dược	
211	B2108943	Lý Triều Lộc	17/09/2001	KH21U1A1	KH	38	3.96	94.0	Xuất sắc	Vật lý kỹ thuật	
212	B2202552	Tăng Bảo Phúc	15/06/2004	KH2269A1	KH	28	3.79	90.5	Xuất sắc	Hóa học	
213	B2202587	Huỳnh Thị Kim Luyến	25/08/2004	KH2269A2	KH	31	3.65	84.5	Giỏi	Hóa học	
214	B2203212	Nguyễn Hữu Giang	06/03/2003	KH2289A1	KH	30	3.79	95.0	Xuất sắc	Toán ứng dụng	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
215	B2203260	Lê Huỳnh Trung Kiên	03/12/2004	KH2289A2	KH	29	3.60	95.5	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
216	B2203381	Đỗ Thị Ngọc Diễm	23/11/2004	KH2294A1	KH	33	3.69	85.0	Giỏi	Sinh học	
217	B2203786	Nguyễn Thị Anh Thư	13/11/2003	KH22D3A1	KH	29	3.28	89.5	Giỏi	Thống kê	
218	B2203851	Phạm Như Ý	25/10/2004	KH22D3A2	KH	30	3.58	83.5	Giỏi	Thống kê	
219	B2204308	Phan Hữu Nghĩa	30/06/2004	KH22T3A1	KH	29	3.69	86.5	Giỏi	Hóa dược	
220	B2204339	Đỗ Lý Ngọc Dung	21/09/2004	KH22T3A2	KH	30	3.86	95.5	Xuất sắc	Hóa dược	
221	B2205010	Nguyễn Trung Nguyên	19/09/2004	KH22U1A1	KH	32	3.35	82.5	Giỏi	Vật lý kỹ thuật	
222	B1901644	Nguyễn Thị Huyền Trân	21/03/2001	KT1920A2	KT	35	3.41	92.0	Giỏi	Kế toán	
223	B1901665	Huỳnh Minh Duy	26/07/2001	KT1921A1	KT	38	3.76	97.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
224	B1901805	Lê Văn Tãi	22/01/2001	KT1921A2	KT	30	3.47	90.5	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng	
225	B1901857	Mao Thị Hồng Quyên	15/04/2001	KT1921F1	KT	35	3.51	91.5	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
226	B1901922	Lưu Hồng Ngọc	22/02/2001	KT1922A1	KT	34	3.87	95.0	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
227	B1902232	Danh Hoàng Ân	01/01/2001	KT1923A1	KT	34	3.32	84.5	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
228	B1902352	Trần Thị Như Huyền	14/04/2001	KT1923A2	KT	30	3.35	83.0	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
229	B1910920	Nguyễn Hà Minh Mẫn	23/08/2001	KT19W1A1	KT	37	3.55	80.0	Giỏi	Kinh tế	
230	B1911531	Nguyễn Hoàng Minh Châu	02/07/2001	KT19W4A2	KT	31	3.92	94.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
231	B1911736	Huỳnh Anh Thư	30/12/2001	KT19W4F1	KT	37	3.73	96.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
232	B1911652	Lê Trần Nguyên Khang	26/05/2001	KT19W4F2	KT	35	3.87	92.5	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
233	B1906227	Nguyễn Hồng Thảo Uyên	17/04/2001	KT19W4F3	KT	38	3.80	93.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
234	B1911640	Tiêu Mỹ Hải	19/07/2001	KT19W4F3	KT	38	3.80	93.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
235	B1911774	Lê Hồ Hải Yến	04/10/2001	KT19W4F4	KT	35	3.71	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
236	B2001269	Huỳnh Thái Tấn An	16/04/2002	KT2020A1	KT	40	3.78	95.5	Xuất sắc	Kế toán	
237	B2001314	Nguyễn Hữu Tài	03/04/2002	KT2020A2	KT	43	3.93	100.0	Xuất sắc	Kế toán	
238	B2008886	Trịnh Yến Như	04/08/2002	KT2021A1	KT	44	4.00	97.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
239	B2008934	Lê Mỹ Quyên	25/09/2002	KT2021A2	KT	40	3.78	93.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
240	B2008976	Trần Thị Nhã Linh	17/09/2002	KT2021F1	KT	44	3.45	84.0	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
241	B2001377	Phạm Mai Tuyết Anh	16/03/2002	KT2021F2	KT	40	3.90	88.5	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
242	B2009006	Thái Minh Thảo	13/05/2002	KT2021F3	KT	40	3.85	94.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
243	B2009092	Phạm Thị Ngọc Yến	29/06/2002	KT2022A1	KT	34	3.97	96.0	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
244	B2009132	Nguyễn Thị Yến Phi	19/09/2002	KT2022A2	KT	38	3.97	98.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
245	B2009276	Nguyễn Bảo Trân	28/07/2002	KT2023A1	KT	33	3.61	92.0	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
246	B2001696	Phan Tấn Vinh	03/07/2002	KT2023A2	KT	38	3.89	96.0	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
247	B2010060	Nguyễn Minh Hiếu	04/04/2002	KT2045A1	KT	41	3.95	96.5	Xuất sắc	Marketing	
248	B2002215	Đỗ Hữu Cường	10/06/2002	KT2045A2	KT	36	3.97	99.0	Xuất sắc	Marketing	
249	B2003652	Phạm Huỳnh Lan Thảo	27/09/2000	KT2090A1	KT	35	3.68	96.0	Xuất sắc	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
250	B2003674	Trần Thị Thùy Lil	10/11/2002	KT2090A2	KT	38	3.40	93.0	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
251	B2014320	Phạm Thị Ngọc Thuận	13/06/2002	KT20V5A1	KT	40	3.71	85.5	Giỏi	Kiểm toán	
252	B2014342	Phó Vĩ Hào	21/05/2002	KT20V5A2	KT	38	3.82	99.5	Xuất sắc	Kiểm toán	
253	B2006000	Trần Thị Kim Bình	21/05/2002	KT20W1A1	KT	42	3.68	100.0	Xuất sắc	Kinh tế	
254	B2006081	Võ Thị Bích Trâm	22/02/2002	KT20W1A2	KT	41	3.69	96.5	Xuất sắc	Kinh tế	
255	B2015271	Trần Trung Tính	17/02/2002	KT20W2A1	KT	37	4.00	93.5	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
256	B2015301	Trần Công Hậu	27/03/2002	KT20W2A2	KT	39	3.94	100.0	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
257	B2015391	Đoàn Ngọc Lan Tường	25/10/2002	KT20W3A1	KT	39	3.93	99.5	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
258	B2015418	Trần Thị Bích Quyên	02/05/2002	KT20W3A2	KT	36	3.87	96.0	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
259	B2015457	Ông Nguyễn Thanh Nhựt	02/05/2002	KT20W4A1	KT	38	4.00	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
260	B2015470	Trương Minh Trọng	31/12/2002	KT20W4A1	KT	38	4.00	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
261	B2015497	Lý Như Quỳnh	18/01/2002	KT20W4A2	KT	38	3.96	98.5	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
262	B2006394	Lữ Nguyễn Thành Hiếu	17/09/2002	KT20W4F1	KT	43	3.83	92.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
263	B2006410	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/02/2002	KT20W4F2	KT	42	3.71	98.5	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
264	B2015508	Võ Thanh Trúc	27/08/2002	KT20W4F3	KT	42	3.88	95.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
265	B2006337	Nguyễn Phan Khánh Duy	03/11/2002	KT20W4F4	KT	42	3.94	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
266	B2015572	Bùi Nguyễn Hương Trà	13/09/2002	KT20W4F5	KT	40	3.73	92.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
267	B2101227	Phạm Thị Ngọc Sương	25/01/2003	KT2120A1	KT	39	3.92	93.0	Xuất sắc	Kế toán	
268	B2108177	Nguyễn Đại Vĩ	23/10/2003	KT2121A1	KT	31	4.00	100.0	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
269	B2101290	Lý Nhựt Minh	22/09/2000	KT2121F1	KT	36	3.96	100.0	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
270	B2108193	Nguyễn Viết Văn Khoa	19/05/2003	KT2121F2	KT	38	3.88	92.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
271	B2101327	Huỳnh Vũ Duy	02/12/2003	KT2122A1	KT	36	3.84	95.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
272	B2108310	Dương Ngọc Khánh Tuyền	14/07/2003	KT2122A2	KT	36	3.93	93.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
273	B2108366	Nguyễn Huỳnh Thiên An	03/07/2003	KT2123A1	KT	39	3.82	92.5	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
274	B2108903	Nguyễn Trần Yến Phương	01/01/2003	KT2145A1	KT	39	3.95	91.0	Xuất sắc	Marketing	
275	B2109921	Nguyễn Ngọc Thanh Thy	27/10/2003	KT2190A1	KT	34	3.74	88.5	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
276	B2111638	Trần Huyền Trân	10/06/2003	KT21V5A1	KT	37	3.93	100.0	Xuất sắc	Kiểm toán	
277	B2112158	Trần Hoàng Bảo Ngọc	02/11/2003	KT21W1A1	KT	39	3.63	92.0	Xuất sắc	Kinh tế	
278	B2105852	Cao Thị Cẩm Giang	08/02/2003	KT21W2A1	KT	38	3.61	96.0	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
279	B2112256	Bùi Hữu Thọ	07/08/2003	KT21W2A2	KT	36	3.87	94.5	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
280	B2112270	Trần Thị Thu Dung	04/09/2003	KT21W3A1	KT	35	4.00	94.5	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
281	B2112327	Nguyễn Kim Liên	27/04/2003	KT21W4A1	KT	38	3.91	92.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
282	B2112457	Lê Cường Thịnh	04/10/2003	KT21W4F1	KT	39	3.75	83.0	Giỏi	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
283	B2112452	Đỗ Hoàng Quyên	09/09/2003	KT21W4F2	KT	38	4.00	96.5	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
284	B2112462	Tiêu Gia Trân	08/10/2003	KT21W4F3	KT	39	3.86	97.5	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
285	B2105970	Lê Nhật Khang	11/11/2003	KT21W4F4	KT	39	3.79	97.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
286	B2200815	Đỗ Ngọc Trâm	29/09/2004	KT2220A1	KT	30	3.77	83.5	Giỏi	Kế toán	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
287	B2200866	Nguyễn Ngọc Ngân	02/02/2004	KT2221A1	KT	30	3.83	86.0	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng	
288	B2200903	Đoàn Nguyễn Thiên Ân	22/12/2003	KT2221F1	KT	34	3.83	92.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
289	B2200969	Tô Huỳnh Minh Phương	12/05/2004	KT2221F2	KT	34	3.64	90.5	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
290	B2201004	Nguyễn Phước Lộc	28/02/2004	KT2222A1	KT	30	3.65	91.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
291	B2201058	Nguyễn Kim Ngân	05/04/2004	KT2222A2	KT	33	3.80	92.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
292	B2200986	Lê Nguyễn Bảo An	27/01/2004	KT2222F1	KT	34	3.78	90.5	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh (chương trình chất lượng cao)	
293	B2201177	Trần Nguyễn Kiều Duyên	09/12/2004	KT2222F2	KT	34	3.93	81.0	Giỏi	Quản trị kinh doanh (chương trình chất lượng cao)	
294	B2201282	Trần Tú Uyên	03/03/2003	KT2223A1	KT	30	3.72	87.0	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
295	B2201354	Huỳnh Thanh Vũ	05/09/2004	KT2223A2	KT	30	3.72	88.0	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
296	B2201995	Lê Ngọc Vy	21/10/2004	KT2245A1	KT	30	3.85	90.0	Xuất sắc	Marketing	
297	B2203333	Ngô Tường Vy	26/05/2004	KT2290A1	KT	33	3.59	80.0	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
298	B2203360	Nguyễn Thị Thảo Quyên	03/04/2004	KT2290A2	KT	33	3.30	88.0	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
299	B2205664	Lưu Thị Ngọc Nguyên	16/11/2004	KT22V5A1	KT	30	3.68	87.5	Giỏi	Kiểm toán	
300	B2206136	Huỳnh Thị Ngọc Chăm	18/10/2004	KT22W1A1	KT	30	3.68	88.5	Giỏi	Kinh tế	
301	B2206203	Nguyễn Chí Thanh	07/12/2004	KT22W1A2	KT	33	3.67	93.0	Xuất sắc	Kinh tế	
302	B2206237	Nguyễn Hoài Nhơn	05/11/2004	KT22W2A1	KT	30	3.78	92.0	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
303	B2206281	Phan Đặng Minh Thư	17/12/2004	KT22W2A2	KT	30	3.72	86.5	Giỏi	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
304	B2206354	Ưng Triệu Vy	20/11/2003	KT22W2F1	KT	32	3.76	89.0	Giỏi	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
305	B2206358	Đinh Huỳnh Doanh Doanh	05/03/2004	KT22W3A1	KT	30	3.77	93.0	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
306	B2206405	Lê Khánh Hưng	01/04/2004	KT22W3A2	KT	30	3.72	84.5	Giỏi	Kinh doanh thương mại	
307	B2206471	Phan Lâm Ngọc Thùy	26/10/2004	KT22W4A1	KT	30	3.75	90.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
308	B2206508	Dương Thị Thảo Sương	15/05/2003	KT22W4A2	KT	30	3.78	91.5	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
309	B2206553	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	31/05/2004	KT22W4F1	KT	34	3.88	91.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
310	B2206562	Nguyễn Quỳnh Anh	04/12/2004	KT22W4F2	KT	32	3.84	93.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
311	B1902746	Vũ Thanh Duy	01/08/2001	LK1963A1	LK	40	3.43	83.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
312	B1902747	Trần Thị Mỹ Duyên	07/12/2001	LK1964A1	LK	30	3.88	85.0	Giỏi	Luật	Luật thương mại
313	B1902913	Nguyễn Minh Phú	08/03/2001	LK1964A2	LK	31	3.92	92.5	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
314	B1902992	Dư Thị Kim Khánh	17/12/2001	LK1964A3	LK	30	3.53	89.0	Giỏi	Luật	Luật thương mại
315	B1903044	Trịnh Thị Yến Thư	05/12/2001	LK1965A1	LK	30	3.48	88.5	Giỏi	Luật	Luật tư pháp
316	B2009741	Nguyễn Thị Bích Trâm	10/11/2002	LK2063A1	LK	37	3.74	91.0	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
317	B2001923	Nguyễn Minh Trọng	14/07/2002	LK2064A1	LK	35	3.68	94.0	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
318	B2009681	Nguyễn Thị Thùy Duyên	20/07/2002	LK2064A2	LK	34	3.88	99.5	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
319	B2009785	Phạm Văn Mạnh	12/10/2002	LK2064A3	LK	36	3.68	98.5	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
320	B2002016	Nguyễn Thị Tường Vi	25/01/2002	LK2065A1	LK	39	3.55	96.0	Giỏi	Luật	Luật tư pháp
321	B2108743	Trần Thị Như Ý	27/12/2003	LK2163A1	LK	37	3.74	94.5	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
322	B2108559	Mai Thị Kim Ngân	04/08/2003	LK2164A1	LK	39	3.70	90.5	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
323	B2108680	Huỳnh Minh Duy	03/03/2002	LK2164A2	LK	37	3.43	96.0	Giỏi	Luật	Luật thương mại
324	B2108570	Trần Võ Kiều Oanh	02/09/2003	LK2165A1	LK	33	3.66	94.0	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
325	B2201731	Hồ Cẩm Ngân	19/01/2004	LK2263A1	LK	29	3.71	84.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
326	B2201686	Trần Gia Nhật Tiền	03/05/2003	LK2264A1	LK	30	3.75	90.0	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
327	B2201704	Ông Bảo Ngọc Trân Châu	11/01/2004	LK2265A1	LK	31	3.82	96.0	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
328	B1908555	Nguyễn Trung Nghị	09/07/2001	ML19U3A1	ML	32	3.73	100.0	Xuất sắc	Triết học	
329	B1910855	Đỗ Hoàng Lãm	20/04/2001	ML19V9A1	ML	33	3.80	92.0	Xuất sắc	Chính trị học	
330	B1912504	Mai Quốc An	28/12/2001	ML19X4A1	ML	30	3.93	100.0	Xuất sắc	Giáo dục công dân	
331	B2004876	Lê Thị Hoàng Mai	05/11/2002	ML20U3A1	ML	40	3.40	98.5	Giỏi	Triết học	
332	B2005994	Phạm Thị Kim Xuyến	17/04/2002	ML20V9A1	ML	38	3.82	100.0	Xuất sắc	Chính trị học	
333	B2016381	Thạch Thị Thư	01/09/2002	ML20X4A1	ML	36	3.65	100.0	Xuất sắc	Giáo dục công dân	
334	B2016404	Trần Thái Bình	19/05/2002	ML20X4A2	ML	37	3.83	98.5	Xuất sắc	Giáo dục công dân	
335	B2111041	Phạm Thị Vân Anh	24/10/2003	ML21U3A1	ML	37	3.67	88.5	Giỏi	Triết học	
336	B2105813	Nguyễn Toàn Thiện	12/11/2003	ML21V9A1	ML	34	3.88	100.0	Xuất sắc	Chính trị học	
337	B2100646	Đào Thị Hồng Gấm	04/08/2003	ML21X4A1	ML	36	3.64	85.5	Giỏi	Giáo dục công dân	
338	B2205071	Nguyễn Lâm Anh Thư	29/05/2004	ML22U3A1	ML	35	3.62	89.0	Giỏi	Triết học	
339	B2206091	Lê Anh Duy	04/01/2004	ML22V9A1	ML	30	3.80	86.0	Giỏi	Chính trị học	
340	B2207022	Nguyễn Huỳnh Khả Hân	04/01/2004	ML22X4A1	ML	31	3.43	84.0	Giỏi	Giáo dục công dân	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
341	B1902572	Trần Gia Hồng	01/06/2001	MT1925A1	MT	30	3.82	95.5	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
342	B1902646	Phan Thị Kim Châu	01/01/2001	MT1925A2	MT	33	3.23	80.0	Giỏi	Quản lý đất đai	
343	B1903250	Trần Thị Huỳnh Thơ	22/09/2001	MT1938A1	MT	32	3.84	83.0	Giỏi	Khoa học môi trường	
344	B1904027	Nguyễn Đắc Thanh Thanh	13/09/2001	MT1957A1	MT	30	3.57	86.0	Giỏi	Kỹ thuật môi trường	
345	B1912612	Đặng Ngọc Phú	17/07/2001	MT19X7A1	MT	37	3.43	90.0	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
346	B1912718	Nguyễn Lê Khánh Vy	14/11/2001	MT19X7A2	MT	34	3.85	88.5	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
347	B2001789	Phạm Duy Tường	25/12/2002	MT2025A1	MT	36	3.77	94.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
348	B2001876	Phạm Hoàng Tú	09/07/2002	MT2025A2	MT	32	3.63	96.5	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
349	B2009502	Nguyễn Thị Hồng Thuận	28/09/2002	MT2025A3	MT	35	3.59	97.5	Giỏi	Quản lý đất đai	
350	B2010011	Lê Minh Duy	22/03/2002	MT2038A1	MT	36	3.50	92.5	Giỏi	Khoa học môi trường	
351	B2002452	Nguyễn Kim Tẵng	27/01/2002	MT2057A1	MT	36	3.50	84.0	Giỏi	Kỹ thuật môi trường	
352	B2016519	Lâm Ngọc Mỹ	17/10/2002	MT20X7A1	MT	37	3.69	91.5	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
353	C2000095	Lê Võ Trúc Linh	04/09/1999	MT20X7A2	MT	30	3.60	80.0	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
354	B2108481	Phan Thúy Vy	28/06/2003	MT2125A1	MT	32	3.77	89.5	Giỏi	Quản lý đất đai	
355	B2101543	Võ Minh Thái	18/07/2003	MT2125A2	MT	32	3.78	100.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
356	B2101757	Huỳnh Đình Tâm	25/03/2002	MT2138A1	MT	36	3.65	93.0	Xuất sắc	Khoa học môi trường	
357	B2108842	Chế Thu Huyền	29/04/2003	MT2138A2	MT	35	3.70	93.5	Xuất sắc	Khoa học môi trường	
358	B2109058	Đỗ Minh Châu	20/11/2003	MT2157A1	MT	40	3.53	99.5	Giỏi	Kỹ thuật môi trường	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
359	B2112979	Nguyễn Thảo An	01/01/2003	MT21X7A1	MT	37	3.74	95.0	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
360	B2113015	Trần Gia Bảo	24/11/2003	MT21X7A2	MT	39	3.95	100.0	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
361	B2201442	Thái Văn Nghiện	01/01/2004	MT2225A1	MT	32	3.69	87.0	Giỏi	Quản lý đất đai	
362	B2201513	Trần Thị Kim Ly	18/04/2004	MT2225A2	MT	32	3.69	96.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
363	B2201823	Dư Ngọc Thúy An	22/08/2004	MT2238A1	MT	30	3.37	84.5	Giỏi	Khoa học môi trường	
364	B2201874	Trần Thị Tâm Đoan	21/05/2004	MT2238A2	MT	30	3.25	88.0	Giỏi	Khoa học môi trường	
365	B2203871	Lê Thị Kim Mai	01/04/2004	MT22D4A1	MT	33	3.30	98.5	Giỏi	Kỹ thuật cấp thoát nước	
366	B2207112	Trương Thị Diệu Hạnh	19/06/2004	MT22X7A1	MT	31	3.53	81.0	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
367	B2207173	Phan Văn Lượng	25/06/2004	MT22X7A2	MT	31	3.47	88.0	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
368	B1901417	Bùi Thị Mộng Tiền	20/09/2001	NN1919A1	NN	30	3.47	89.0	Giỏi	Nông học	
369	B1900146	Nguyễn Phú Hào	08/05/2000	NN1967A1	NN	36	4.00	93.5	Xuất sắc	Thú y	
370	B1904835	Nguyễn Lê Loan Anh	12/09/2001	NN1967A2	NN	30	3.92	94.0	Xuất sắc	Thú y	
371	B1904926	Nguyễn Thị Mỷ Tiên	08/06/2001	NN1967A3	NN	30	3.93	98.5	Xuất sắc	Thú y	
372	B1905130	Nguyễn Minh Quân	06/05/2001	NN1973A1	NN	35	3.71	92.5	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
373	B1905229	Bùi Thanh Trọng	19/11/2001	NN1973A2	NN	34	3.62	81.0	Giỏi	Bảo vệ thực vật	
374	B1906909	Võ Công Thi	17/04/2001	NN19S1A2	NN	31	3.71	87.5	Giỏi	Chăn nuôi	
375	B1905072	Lê Thị Phương Quyên	22/10/2001	NN19S4A1	NN	35	3.84	92.5	Xuất sắc	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
376	B1912858	Đặng Văn Tỏa	31/12/2001	NN19S6A1	NN	30	3.90	85.5	Giỏi	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
377	B1910771	Võ Thị Minh Thư	31/01/2001	NN19V8A1	NN	32	3.80	93.0	Xuất sắc	Sinh học ứng dụng	
378	B1912839	Hồ Thị Thảo Ngân	03/01/2001	NN19X8A1	NN	30	3.53	80.0	Giỏi	Khoa học cây trồng	
379	B1900294	Nguyễn Thanh Phong	20/05/2000	NN19X9A1	NN	33	3.42	91.5	Giỏi	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
380	B1904817	Nguyễn Văn Tuấn	16/11/2001	NN19Y4A1	NN	31	3.82	92.0	Xuất sắc	Thú y	Dược thú y
381	B1912830	Phạm Minh Khan	01/05/2001	NN19Z1A1	NN	36	3.72	90.0	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	Công nghệ giống cây trồng
382	B2008758	Nguyễn Hoài Thương	22/03/2002	NN2019A1	NN	45	3.57	89.5	Giỏi	Nông học	
383	B2008789	Trần Thanh Tuyền	19/12/2002	NN2019A2	NN	38	3.61	93.0	Xuất sắc	Nông học	
384	B2010883	Lê Thị Như Mộng	24/12/2002	NN2067A1	NN	34	3.94	100.0	Xuất sắc	Thú y	
385	B2002914	Châu Ngọc Diệp	09/07/2002	NN2067A2	NN	31	3.97	90.0	Xuất sắc	Thú y	
386	B2010937	Trần Nguyễn Huyền Trân	27/08/2002	NN2067A3	NN	41	3.70	94.0	Xuất sắc	Thú y	
387	B2011029	Nguyễn Thanh Thiên	28/02/2002	NN2067A4	NN	32	3.97	100.0	Xuất sắc	Thú y	
388	B2003051	Nguyễn Thị Hồng Anh	15/12/2002	NN2073A1	NN	39	3.74	98.5	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
389	B2011241	Lê Minh Triều	02/10/2002	NN2073A2	NN	38	3.78	90.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
390	B2011295	Nguyễn Trường Vũ	11/03/2001	NN2073A3	NN	41	3.88	95.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
391	B2012321	Võ Ngọc Thơm	15/02/2002	NN20S1A1	NN	41	3.45	90.5	Giỏi	Chăn nuôi	
392	B2012347	Hồng Tấn Lợi	21/01/2002	NN20S1A2	NN	39	3.71	85.5	Giỏi	Chăn nuôi	
393	B2003041	Trần Thị Trúc Huỳnh	17/03/2002	NN20S4A1	NN	34	3.42	96.5	Giỏi	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
394	B2006923	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/12/2002	NN20S6A1	NN	38	3.47	87.5	Giỏi	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
395	B2015049	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/07/2002	NN20V8A1	NN	32	3.37	97.5	Giỏi	Sinh học ứng dụng	
396	B2016619	Lê Thị Tuyết Hương	12/01/2002	NN20X8A1	NN	39	3.73	96.0	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	
397	B2016682	Lâm Thị Diễm My	09/07/2001	NN20X9A1	NN	38	3.77	99.0	Xuất sắc	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
398	B2108035	Trang Khương Duy	23/07/2003	NN2119A1	NN	39	3.77	96.0	Xuất sắc	Nông học	
399	B2109331	Nguyễn Duy Tân	05/12/2003	NN2167A1	NN	38	3.90	94.0	Xuất sắc	Thú y	
400	B2102452	Trương Tấn Phát	07/06/2003	NN2167A2	NN	34	3.81	95.0	Xuất sắc	Thú y	
401	B2109499	Nguyễn Huỳnh Bích Giao	04/05/2003	NN2173A1	NN	37	3.59	88.5	Giỏi	Bảo vệ thực vật	
402	B2109557	Phùng Minh Long	09/10/2003	NN2173A2	NN	33	3.72	90.5	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
403	B2109579	Trương Phúc Thịnh	11/04/2003	NN2173A2	NN	35	3.72	90.5	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
404	B2110179	Trần Minh Phú	19/03/2003	NN21S1A1	NN	38	3.77	97.0	Xuất sắc	Chăn nuôi	
405	B2110212	Hồng Hữu Nhân	16/06/2003	NN21S1A2	NN	37	3.60	85.5	Giỏi	Chăn nuôi	
406	B2109464	Nguyễn Ngọc Anh	19/03/2003	NN21S4A1	NN	35	3.47	97.5	Giỏi	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
407	B2106495	Đặng Phan Ngọc Nhi	12/04/2003	NN21S6A1	NN	40	3.82	96.5	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
408	B2112056	Trần Nguyễn Phương Nguyên	24/01/2003	NN21V8A1	NN	33	3.89	98.5	Xuất sắc	Sinh học ứng dụng	
409	B2106526	Võ Lý Thanh Vũ	26/04/2003	NN21X8A1	NN	40	3.72	92.5	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	
410	B2113162	Văng Thị Hồng Nhu	01/12/2003	NN21X9A1	NN	39	3.68	98.5	Xuất sắc	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
411	B2200729	Phạm Trần Ngọc Giàu	29/10/2004	NN2219A2	NN	33	3.45	90.5	Giỏi	Nông học	
412	B2202426	Nguyễn Chí Tài	16/05/2004	NN2267A1	NN	32	3.83	91.5	Xuất sắc	Thú y	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
413	B2202492	Trương Thị Cẩm Nhung	20/10/2004	NN2267A2	NN	32	3.91	97.0	Xuất sắc	Thú y	
414	B2202758	Phạm Thị Bảo Xuyên	09/08/2004	NN2273A1	NN	32	3.66	92.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
415	B2202789	Bùi Thanh Quang	02/02/2004	NN2273A2	NN	32	3.45	80.5	Giỏi	Bảo vệ thực vật	
416	B2203982	Dương Ngọc Hân	18/05/2004	NN22S1A1	NN	32	3.36	92.0	Giỏi	Chăn nuôi	
417	B2204035	Nguyễn Thị Thanh Nhã	11/03/2004	NN22S1A2	NN	32	3.77	84.0	Giỏi	Chăn nuôi	
418	B2202636	Huỳnh Xuân Mai	17/10/2004	NN22S4A1	NN	32	3.30	92.5	Giỏi	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
419	B2202686	Dương Huỳnh Mẫn Nghi	29/05/2004	NN22S4A2	NN	32	3.20	83.5	Giỏi	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
420	B2207227	Huỳnh Thị Tố Nga	14/08/2004	NN22S6A1	NN	33	3.44	82.0	Giỏi	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
421	B2206076	Ngô Trọng Tín	07/08/2003	NN22V8A1	NN	33	3.41	87.5	Giỏi	Sinh học ứng dụng	
422	B2207258	Nguyễn Khánh Duy	22/08/2004	NN22X8A1	NN	32	3.58	93.0	Giỏi	Khoa học cây trồng	
423	B1900378	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	14/03/2001	SP1901A1	SP	31	4.00	96.5	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
424	B1900969	Nguyễn Phan Nhật Trường	23/08/2001	SP1909A1	SP	30	3.92	90.0	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
425	B1900974	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	21/08/2001	SP1910A1	SP	30	3.82	83.0	Giỏi	Sư phạm Sinh học	
426	B1901324	Nguyễn Thị Như Huỳnh	10/09/2001	SP1916A1	SP	30	3.72	90.5	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
427	B1901375	Tăng Ngọc Kim Phụng	16/09/2001	SP1918A1	SP	33	3.94	89.0	Giỏi	Sư phạm Lịch sử	
428	B1908934	Trần Lê Ngọc Dung	10/02/2001	SP19U8A1	SP	32	3.66	85.0	Giỏi	Sư phạm Tin học	
429	B1912500	Trần Thị Hoài Thương	26/11/2001	SP19X3A1	SP	30	3.70	100.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
430	B2000239	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	04/05/2002	SP2001A1	SP	34	3.94	91.5	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
431	B2000266	Phạm Thị Yến Nhi	09/05/2002	SP2001A2	SP	36	3.92	91.5	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
432	B2000303	Lê Như Thuật	15/09/2002	SP2002A1	SP	34	3.82	96.5	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
433	B2007638	Nguyễn Hoàng Hiếu	30/10/2002	SP2002A2	SP	31	3.80	96.5	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
434	B2007994	Phan Ngọc An	12/01/2002	SP2009A1	SP	34	3.85	90.0	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
435	B2008089	Ngô Thanh Sang	14/12/2002	SP2009A2	SP	37	3.72	92.0	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
436	B2007386	Ký Thanh Chương	28/11/2002	SP2010A1	SP	35	3.77	94.0	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
437	B2008407	Trần Thị Tú Trinh	20/09/2002	SP2016A1	SP	35	3.71	97.5	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
438	B2008433	Lâm Tú Huỳnh	13/07/2002	SP2016A2	SP	34	3.91	99.0	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
439	B2007390	Phạm Hồng Hiếu Anh	03/01/2002	SP2017A1	SP	33	3.94	97.5	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
440	B2008558	Phạm Thành Khang	25/02/2002	SP2017A2	SP	36	3.83	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
441	B2000508	Lê Thị Như Ánh	03/01/2002	SP2018A1	SP	35	3.85	91.5	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
442	B2008685	Võ Văn Chí Em	14/11/2002	SP2018A2	SP	37	3.89	94.0	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
443	B2000534	Huỳnh Đức	18/03/2002	SP20U8A1	SP	32	3.60	93.0	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
444	B2016203	Trần Trùng Dương	21/07/2002	SP20X3A1	SP	36	3.84	96.5	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
445	B2000663	Phan Thanh Nam	23/09/2002	SP20X3A2	SP	41	3.78	95.5	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
446	B2107239	Nguyễn Ngọc Hân	17/10/2003	SP2101A1	SP	36	3.96	98.5	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
447	B2100192	Nguyễn Văn Thế	03/12/2003	SP2102A1	SP	38	3.85	99.0	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
448	B2100212	Bùi Nguyễn Diễm Mi	20/07/2003	SP2109A1	SP	40	3.71	99.0	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
449	B2100339	Nguyễn Thị Như Ý	25/02/2003	SP2110A1	SP	35	3.62	92.5	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
450	B2106965	Nguyễn Thái Bảo	02/03/2003	SP2116A1	SP	33	4.00	94.5	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
451	B2106969	Nguyễn Hồng Nhớ	12/01/2003	SP2117A1	SP	34	3.97	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
452	B2108001	Nguyễn Minh Phương	01/04/2003	SP2118A1	SP	33	3.84	91.5	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
453	B2100464	Lưu Phùng Tấn Đạt	23/09/2003	SP21U8A1	SP	31	3.62	98.5	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
454	B2100586	Bùi Thị Huỳnh Mai	15/03/2003	SP21X3A1	SP	35	3.83	90.5	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
455	B2112854	Dương Thị Kim Ngân	01/07/2003	SP21X3A2	SP	41	3.86	93.5	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
456	B2200008	Trương Sơn Hà	26/03/2004	SP2201A1	SP	31	3.78	90.0	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
457	B2200037	Lê Hồ Nhật Huy	02/04/2004	SP2202A1	SP	30	3.77	97.5	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
458	B2200285	Nguyễn Phương Duy	30/05/2003	SP2209A1	SP	32	3.90	92.5	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
459	B2200313	Phan Thị Cẩm Tiên	05/05/2004	SP2210A1	SP	29	3.68	90.5	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
460	B2200603	Nguyễn Thành Sơn	16/07/2004	SP2216A1	SP	30	3.83	93.5	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
461	B2200613	Nguyễn Thị Thúy Đào	15/07/2003	SP2217A1	SP	34	3.65	98.5	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
462	B2200651	Phan Thị Ngọc Lan	16/05/2004	SP2217A2	SP	29	3.64	87.0	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
463	B2200676	Nguyễn Ngọc Hân	27/12/2003	SP2218A1	SP	27	3.72	96.5	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
464	B2205336	Nguyễn Thị Ngọc Dương	10/07/2004	SP22U8A1	SP	33	3.70	84.0	Giỏi	Sư phạm Tin học	
465	B2206966	Phạm Châu Diễm Trinh	01/04/2004	SP22X3A1	SP	29	3.64	97.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
466	B2206976	Trương Hồng Đào	04/07/2004	SP22X3A2	SP	31	3.73	91.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
467	B1912559	Nguyễn Thị Mộng Trinh	29/12/2001	TD19X6A1	TD	35	3.91	91.5	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
468	B2016481	Trần Nguyễn Tuyết Anh	18/02/2002	TD20X6A1	TD	30	3.53	86.5	Giỏi	Giáo dục Thể chất	
469	B2107014	Nguyễn Phú Xuân	28/03/2003	TD21X6A1	TD	37	3.85	96.5	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
470	B2207090	Lê Thị Ngọc Quý	29/08/2003	TD22X6A1	TD	33	3.61	93.0	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
471	B1905740	Nguyễn Thanh Danh	15/10/2001	TN1983A1	TN	35	3.69	85.5	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
472	B1905897	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	14/03/2001	TN1983A2	TN	30	3.66	91.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
473	B1905832	Lê Thị Thu Thảo	25/08/2001	TN1983A3	TN	30	3.73	95.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
474	B1905967	Bùi Văn Phụng	29/05/2001	TN1983A4	TN	31	3.66	87.5	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
475	B1905847	Ngô Minh Thư	07/05/2000	TN1983A5	TN	30	3.67	86.5	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
476	B1903695	Huỳnh Thanh Phong	27/03/2001	TN1984A1	TN	31	3.71	90.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
477	B1903836	Nguyễn Quốc Khang	16/11/2001	TN1985A1	TN	30	3.87	91.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế biến
478	B1907043	Nguyễn Đại Nghĩa	02/09/2001	TN19S3A1	TN	33	3.95	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
479	B1907147	Ngô Minh Khôi	11/03/2001	TN19S3A2	TN	33	3.82	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
480	B1907083	Nguyễn Thái Tín	15/10/2001	TN19S3A3	TN	30	4.00	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
481	B1903446	Đỗ Đăng Khoa	14/10/2001	TN19S5A1	TN	34	3.79	98.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
482	B1903576	Trần Hoàng Bão	10/11/2001	TN19S5A2	TN	32	3.70	93.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
483	B1903849	Chiêm Tuấn Kiệt	15/01/2001	TN19S5A3	TN	34	3.56	92.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
484	B1903510	Lê Ngọc Quí	26/11/2001	TN19S5A4	TN	31	3.73	97.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
485	B1903760	Vũ Cát Tường	11/08/2001	TN19S5A5	TN	30	3.93	88.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
486	B1903938	Đào Minh Thông	05/12/2001	TN19S5A6	TN	32	3.81	85.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
487	B1907248	Trần Thanh Phúc	06/03/2001	TN19T1A1	TN	36	3.37	81.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
488	B1907412	Đỗ Duy Tân	18/01/2001	TN19T4A1	TN	34	3.91	98.5	Xuất sắc	Kỹ thuật vật liệu	
489	B1907482	Trần Thị Nhật Linh	16/07/2001	TN19T5A1	TN	40	3.60	97.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
490	B1907644	Trương Đổ Minh Nhớ	03/02/2001	TN19T5A2	TN	41	3.51	87.0	Giỏi	Kỹ thuật điện	
491	B1907524	Đinh Thanh Tân	17/10/2001	TN19T5A3	TN	34	3.66	97.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
492	B1907766	Trần Quốc Tịnh	30/07/2001	TN19T6A1	TN	32	3.69	99.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
493	B1907840	Nguyễn Hoàng Anh	24/02/2001	TN19T7A1	TN	30	3.43	86.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
494	B1907963	Nguyễn Hoàng Nhựt	17/01/2001	TN19T7A3	TN	34	3.54	83.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
495	B1908029	Võ Đức Trí	10/07/2001	TN19T7A4	TN	30	3.72	84.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
496	B1908192	Nguyễn Văn Phố	27/04/2001	TN19T7A5	TN	30	3.48	81.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
497	B1908262	Trần Trung Vĩnh	10/09/2001	TN19T7A6	TN	30	3.52	81.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
498	B1908053	Nguyễn Thái An	18/05/2001	TN19T7F1	TN	39	3.72	91.5	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
499	B1909685	Đỗ Minh Khôi	11/03/2001	TN19V6A1	TN	32	4.00	100.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
500	B1909755	Nguyễn Hoàng Vân Anh	19/10/2001	TN19V6A2	TN	32	3.94	97.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
501	B1909742	Trần Thị Kiều Trinh	25/06/2001	TN19V6A3	TN	32	3.97	96.5	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
502	B1909866	Trần Vũ Bảo Long	10/01/2001	TN19V6F1	TN	39	3.87	95.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
503	B1912970	Phạm Phú Quí	17/07/2001	TN19Y8A1	TN	34	3.71	97.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
504	B1913003	Nguyễn Văn Dài	25/02/2001	TN19Y8A2	TN	30	3.88	92.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
505	B1912986	Nguyễn Lâm Minh Thư	10/01/2001	TN19Y8A3	TN	34	3.81	96.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
506	B1913133	Nguyễn Khôi Nguyên	18/01/2001	TN19Z5A1	TN	36	3.47	85.5	Giỏi	Kỹ thuật máy tính	
507	B1913209	Triệu Kiết Tường	27/12/2001	TN19Z5A2	TN	30	3.20	80.0	Giỏi	Kỹ thuật máy tính	
508	B2003515	Lê Thị Mỹ Linh	11/01/2002	TN2083A1	TN	33	3.76	92.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
509	B2011773	Trần Lê Thanh Triệt	18/12/2002	TN2083A2	TN	38	3.71	80.5	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
510	B2011626	Hồ Thanh Hải	14/07/2002	TN2083A3	TN	32	3.63	91.5	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
511	B2010241	Trần Tú Anh	01/10/2002	TN2084A1	TN	33	3.58	94.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
512	B2012413	Nguyễn Đức Anh	25/05/2002	TN20S3A1	TN	37	3.61	80.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ điện tử	
513	B2012548	Phạm Đình Văn	06/01/2002	TN20S3A2	TN	34	3.48	82.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ điện tử	
514	B2002288	Huỳnh Minh Tiến	22/07/2002	TN20S5A1	TN	33	3.60	81.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
515	B2002303	Lê Hữu Duy	04/12/2002	TN20S5A2	TN	38	3.65	87.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
516	B2002390	Tô Lê Hoàng Phúc	03/02/2002	TN20S5A3	TN	36	3.73	82.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
517	B2010161	Nguyễn Minh Hiếu	10/07/2002	TN20S5A4	TN	35	3.68	89.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
518	B2010422	Nguyễn Văn Tây	19/06/2002	TN20S5A5	TN	39	3.54	87.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
519	B2012556	Nguyễn Việt Chí	26/11/2002	TN20T1A1	TN	37	3.34	86.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
520	B2004291	Trần Thị Thu Nhân	30/01/2002	TN20T4A1	TN	37	3.23	90.5	Giỏi	Kỹ thuật vật liệu	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
521	B2012758	Lê Duy Quốc	22/10/2002	TN20T5A1	TN	36	3.93	98.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
522	B2012879	Nguyễn Chín Tính	13/09/2002	TN20T5A2	TN	41	3.39	86.0	Giỏi	Kỹ thuật điện	
523	B2004357	Lý Minh Đạt	14/07/2002	TN20T5A3	TN	39	3.67	81.0	Giỏi	Kỹ thuật điện	
524	B2012947	Lê Quốc Bảo	21/04/2002	TN20T6A1	TN	35	3.32	83.5	Giỏi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
525	B2004506	Lê Anh Khoa	28/09/2002	TN20T6A2	TN	31	3.35	82.5	Giỏi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
526	B2004565	Nguyễn Nhật Hào	12/06/2002	TN20T7A1	TN	32	3.57	87.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
527	B2013335	Hồ Đình Văn	07/12/2002	TN20T7A2	TN	36	3.36	82.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
528	B2013186	Lưu Ngọc Phương Uyên	09/02/2002	TN20T7A3	TN	33	3.33	98.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
529	B2013266	Nguyễn Văn Lợi	09/09/2002	TN20T7A4	TN	33	3.56	87.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
530	B2004616	Giang Khánh Duy	31/03/2002	TN20T7A5	TN	37	3.37	83.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
531	B2004689	Nguyễn Hữu Đức	03/10/2002	TN20T7F1	TN	47	3.47	80.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
532	B2014446	Phạm Thị Kim Thư	23/12/2002	TN20V6A1	TN	37	3.78	95.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
533	B2014500	Nguyễn Hoàng Ngoan	10/02/2002	TN20V6A2	TN	43	3.71	100.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
534	B2014385	Nguyễn Thị Kim Chi	15/11/2002	TN20V6A3	TN	37	3.85	97.5	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
535	B2014469	Nguyễn Thị Thùy Duyên	20/09/2002	TN20V6F1	TN	37	3.86	84.0	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
536	B2016689	Trần Khánh Duy	03/09/2002	TN20Y8A1	TN	34	3.61	85.5	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
537	B2016751	Thạch Ngọc Ân	04/02/2002	TN20Y8A2	TN	39	3.41	88.5	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
538	B2109783	Trần Thị Mỹ Quyên	23/12/2003	TN2183A1	TN	35	3.82	100.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
539	B2103188	Trần Thị Thanh Huyền	31/01/2003	TN2183A2	TN	33	3.88	96.5	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
540	B2101925	Phạm Nguyễn Quốc Huy	02/02/2003	TN2184A1	TN	36	3.74	96.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
541	B2103932	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	27/09/2003	TN21S3A1	TN	30	3.70	95.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
542	B2110296	Nguyễn Tấn Dũng	27/11/2003	TN21S3A2	TN	37	3.83	87.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ điện tử	
543	B2107061	Trần Gia Bảo	22/08/2003	TN21S5A1	TN	39	3.62	82.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
544	B2109000	Lê Nguyễn Công Thành	03/07/2003	TN21S5A2	TN	37	3.87	95.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
545	B2101917	Nguyễn Trần Bá Duy	21/10/2003	TN21S5A3	TN	34	3.77	98.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
546	B2104067	Nguyễn Tấn Thành	11/07/2003	TN21T1A1	TN	40	3.37	81.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
547	B2104240	Mã Nhựt Minh	19/06/2003	TN21T4A1	TN	37	3.41	95.0	Giỏi	Kỹ thuật vật liệu	
548	B2110483	Nguyễn Thái Hòa	12/09/2003	TN21T5A1	TN	39	3.93	95.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
549	B2110542	Tăng Thành Tính	08/05/2003	TN21T5A2	TN	42	3.62	86.5	Giỏi	Kỹ thuật điện	
550	B2104408	Trần Phương Vy	30/10/2003	TN21T5F1	TN	36	3.50	95.0	Giỏi	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
551	B2110564	Võ Hữu Đức	06/11/2003	TN21T5F2	TN	38	3.61	96.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
552	B2104513	Nguyễn Đức Thành	23/07/2001	TN21T6A2	TN	36	3.71	88.5	Giỏi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
553	B2104569	Nguyễn Trọng Nghĩa	21/06/2003	TN21T7A1	TN	30	3.86	99.5	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
554	B2104671	Nguyễn Minh Thuận	18/02/2003	TN21T7A2	TN	38	3.46	89.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
555	B2111667	Nguyễn Thị Yến Oanh	27/06/2003	TN21V6A1	TN	34	3.77	92.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
556	B2105461	Đặng Hiếu Sáng	06/06/2003	TN21V6A2	TN	34	3.88	96.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
557	B2111762	Dương Thị Thu Ngân	24/03/2003	TN21V6F1	TN	36	3.46	95.0	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
558	B2113196	Trần Trí Nhân	24/09/2003	TN21Y8A1	TN	38	3.64	91.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
559	B2113225	Võ Hoàng Linh	12/04/2003	TN21Y8A2	TN	37	3.90	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
560	B2113269	Nguyễn Phước Thi	28/07/2003	TN21Z5A1	TN	32	3.47	83.5	Giỏi	Kỹ thuật máy tính	
561	B2106729	Trương Tấn Đạt	09/06/2003	TN21Z5A2	TN	34	3.83	97.0	Xuất sắc	Kỹ thuật máy tính	
562	B2203129	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/12/2004	TN2283A1	TN	31	3.77	98.5	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
563	B2203166	Đường Thái Bảo	13/10/2002	TN2283A2	TN	30	3.83	98.5	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
564	B2202136	Thi Minh Thật	16/04/2004	TN2284A1	TN	29	3.53	88.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
565	B2203912	Nguyễn Minh Quý	30/11/2004	TN22D5A1	TN	28	3.85	96.5	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
566	B2203948	Vương Nguyên Ngọc	06/01/2004	TN22D5A2	TN	30	3.86	98.5	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
567	B2204168	Nguyễn Quốc Huy	01/01/2004	TN22S3A1	TN	30	3.77	90.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
568	B2202002	Đặng Toàn Bách	16/07/2004	TN22S5A1	TN	33	3.71	80.5	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
569	B2202140	Đào Nguyễn Minh Thư	29/07/2004	TN22S5A2	TN	31	3.77	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
570	B2204275	Nguyễn Văn Tiền	30/07/2004	TN22T1A1	TN	30	3.55	83.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
571	B2204444	Võ Minh Khiêm	25/02/2004	TN22T5A1	TN	28	3.80	90.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
572	B2204539	Phạm Minh Chiến	25/08/2004	TN22T6A1	TN	30	3.79	90.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
573	B2204641	Nguyễn Minh Khang	28/04/2004	TN22T7A1	TN	31	3.63	96.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
574	B2204702	Phan Văn Tài Em	13/06/2004	TN22T7A2	TN	31	3.90	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
575	B2204786	Trần Huỳnh Đăng Khoa	16/05/2004	TN22T7F1	TN	34	3.75	84.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
576	B2204818	Trần Lê Gia Tân	21/08/2004	TN22T7F2	TN	34	3.40	86.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
577	B2204877	Lê Tấn Lộc	11/05/2004	TN22T8A1	TN	31	3.69	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
578	B2205743	Trần Thị Nhã Thư	25/09/2004	TN22V6A1	TN	31	3.75	93.5	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
579	B2205807	Ngô Ngọc Nhật Vương	16/03/2004	TN22V6A2	TN	28	3.65	90.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
580	B2205842	Nguyễn Minh Phụng	21/01/2004	TN22V6F1	TN	33	3.50	91.0	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
581	B2205829	Nguyễn Trần Ngọc Minh	30/11/2004	TN22V6F2	TN	32	3.25	92.5	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
582	B2207389	Nguyễn Mạnh Đạt	17/09/2004	TN22Y8A1	TN	30	3.79	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
583	B2207481	Phạm Nhơn Nghĩa	01/06/2004	TN22Z5A1	TN	31	3.87	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật máy tính	
584	B1901114	Lê Thanh Tính	10/09/2001	TS1913A3	TS	31	3.39	80.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
585	B1901087	Tô Vũ Thiện Tâm	20/07/2001	TS1913T1	TS	31	3.88	85.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	
586	B1905604	Đặng Quốc Tùng	29/10/2001	TS1982A1	TS	30	3.66	83.5	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
587	B1905658	Bùi Thị Bạch Mai	09/07/2001	TS1982A2	TS	35	3.40	93.5	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
588	B1906928	Trần Ngọc Hân	16/01/2001	TS19S2A1	TS	33	3.33	85.5	Giỏi	Quản lý thủy sản	
589	B2008203	Đỗ Phạm Tuyết Trang	20/12/2002	TS2013A1	TS	32	3.58	81.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
590	B2001088	Nguyễn Thị Hằng Ny	14/04/2000	TS2013A2	TS	35	3.94	98.5	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
591	B2001144	Ngô Hoàng Khang	16/03/2002	TS2013A3	TS	38	3.84	95.0	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
592	B2011571	Lê Thị Minh Tâm	23/12/2002	TS2013T1	TS	35	3.36	87.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
593	B2003282	Đặng Thị Ngọc Hân	08/09/2002	TS2076A1	TS	33	3.67	96.0	Xuất sắc	Bệnh học thủy sản	
594	B2011470	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	15/02/2002	TS2082A1	TS	37	3.89	91.0	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
595	B2011557	Dương Thị Yến Nhi	17/01/2002	TS2082A2	TS	44	3.84	94.0	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
596	B2004060	Võ Thị Ngọc Oanh	10/11/2002	TS20S2A1	TS	34	3.62	92.0	Xuất sắc	Quản lý thủy sản	
597	B2100858	Nguyễn Huỳnh Châu Khoa	19/02/2003	TS2113A1	TS	31	3.66	96.5	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
598	B2107716	Trần Đặng Anh Kiệt	05/11/2003	TS2113A2	TS	32	3.75	94.0	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
599	B2100951	Lê Thị Vân Anh	02/04/2003	TS2113A3	TS	35	3.72	94.0	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
600	B2107798	Nguyễn Đình Đức Thịnh	07/03/2003	TS2113T1	TS	33	3.75	91.0	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	
601	B2109622	Bùi Thảo Nhi	12/09/2003	TS2176A1	TS	38	3.64	87.0	Giỏi	Bệnh học thủy sản	
602	B2103004	Hồ Ngọc Xuân Thanh	26/08/2003	TS2182A1	TS	37	3.82	83.0	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
603	B2103121	Tống Phương Trang	11/01/2003	TS2182A2	TS	39	3.62	93.5	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
604	B2103767	Đinh Thị Xuân Bình	15/10/2002	TS21S2A1	TS	36	3.59	86.5	Giỏi	Quản lý thủy sản	
605	B2110247	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	17/08/2003	TS21S2A2	TS	36	3.74	88.0	Giỏi	Quản lý thủy sản	
606	B2200328	Lâm Tôn Mỹ Huyền	03/07/2004	TS2213A1	TS	33	3.48	88.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
607	B2200397	Văn Tự Nguyện	21/08/2003	TS2213A2	TS	33	3.71	82.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
608	B2200434	Nguyễn Kim Huyền	26/07/2004	TS2213A3	TS	33	3.55	90.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
609	B2200506	Nguyễn Thị Phương Oanh	13/04/2004	TS2213A4	TS	33	3.38	82.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
610	B2200535	Châu Vĩnh Cơ	07/03/2001	TS2213T1	TS	32	3.36	82.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
611	B2202856	Võ Quang Vinh	12/10/2004	TS2276A1	TS	32	3.50	87.5	Giỏi	Bệnh học thủy sản	
612	B2202899	Trần Thị Ngọc Trâm	24/03/2004	TS2276A2	TS	32	3.34	88.5	Giỏi	Bệnh học thủy sản	
613	B2203002	Lý Thị Lay	05/11/2004	TS2282A1	TS	34	3.26	80.5	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
614	B2203075	Trần Thị Thúy Liễu	31/03/2004	TS2282A2	TS	31	3.69	80.5	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
615	B2204143	Trần Tân Vinh	30/04/2004	TS22S2A2	TS	33	3.39	92.5	Giỏi	Quản lý thủy sản	
616	B1905403	Trần Lê Uyển Nhi	16/07/2001	XH1980A1	XH	44	3.33	80.5	Giỏi	Thông tin - thư viện	
617	B1912133	Lê Đức Anh	21/03/2001	XH19W8A2	XH	33	3.50	95.5	Giỏi	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
618	B2003301	Nguyễn Thanh An	10/06/2002	XH2080A1	XH	34	3.70	95.0	Xuất sắc	Thông tin - thư viện	
619	B2003324	Trần Khả Hân	03/04/2002	XH2080A2	XH	37	3.92	99.0	Xuất sắc	Thông tin - thư viện	
620	B2013697	Nguyễn Hà Phi Phụng	18/11/2002	XH20U4A1	XH	35	3.88	95.5	Xuất sắc	Xã hội học	
621	B2004987	Nguyễn Minh Thư	30/10/2002	XH20U4A2	XH	41	3.90	96.5	Xuất sắc	Xã hội học	
622	B2006452	Nguyễn Thị Khải Huyền	23/09/2002	XH20W7A1	XH	39	3.79	98.0	Xuất sắc	Văn học	
623	B2015761	Bùi Thị Kim Yến	17/07/2002	XH20W7A2	XH	31	3.75	96.0	Xuất sắc	Văn học	
624	B2006536	Lê Hoàng Ngọc Thái	06/09/2002	XH20W7A3	XH	34	3.81	98.5	Xuất sắc	Văn học	
625	B2015841	Bùi Văn Tài	26/09/2002	XH20W8A1	XH	38	3.92	99.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
626	B2015945	Tạ Kim Nhiên	07/10/2002	XH20W8A2	XH	34	3.94	91.5	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
627	B2006622	Nguyễn Triết Thiệu	17/09/2002	XH20W8A3	XH	31	3.97	99.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
628	B2109663	Trần Thị Huỳnh Như	11/11/2003	XH2180A1	XH	35	3.71	100.0	Xuất sắc	Thông tin - thư viện	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCĐK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
629	B2104948	Nguyễn Gia Hân	27/08/2003	XH21U4A1	XH	39	3.88	94.5	Xuất sắc	Xã hội học	
630	B2106050	Bùi Việt Tân	09/09/2003	XH21W7A1	XH	32	3.77	87.0	Giỏi	Văn học	
631	B2112525	Lưu Thảo Nhi	15/02/2003	XH21W7A2	XH	35	3.60	99.0	Xuất sắc	Văn học	
632	B2106085	Nguyễn Thị Thúy Hà	26/10/2003	XH21W8A1	XH	35	3.90	95.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
633	B2112630	Nguyễn Thanh Thiên	02/08/2003	XH21W8A2	XH	36	3.79	98.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
634	B2202961	Thị Bảo Trân	12/05/2004	XH2280A1	XH	32	3.70	96.0	Xuất sắc	Thông tin - thư viện	
635	B2205119	Lương Phạm Thanh Thủy	18/01/2004	XH22U4A1	XH	33	3.56	82.0	Giỏi	Xã hội học	
636	B2205163	Nguyễn Ngọc Minh Thư	24/05/2004	XH22U4A2	XH	33	3.65	94.0	Xuất sắc	Xã hội học	
637	B2206609	Nguyễn Trường Duy	24/05/2004	XH22W7A1	XH	34	3.72	96.5	Xuất sắc	Văn học	
638	B2206679	Nguyễn Thị Thủy Tiên	16/10/2004	XH22W7A2	XH	34	3.74	96.0	Xuất sắc	Văn học	
639	B2206729	Lê Anh Tuấn	02/04/2004	XH22W8A1	XH	33	3.73	89.5	Giỏi	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
640	B2206736	Võ Văn Chiêu	25/04/2004	XH22W8A2	XH	33	3.74	96.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch

Danh sách có 640 sinh viên./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ